

**BÁO CÁO**  
**Tài chính nhà nước tỉnh Lạng Sơn năm 2023**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

Thực hiện Luật Kế toán năm 2015; Nghị định số 25/2017/NĐ-CP ngày 14/3/2017 của Chính phủ về báo cáo tài chính nhà nước; Thông tư số 133/2018/TT-BTC ngày 28/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về hướng dẫn lập Báo cáo tài chính nhà nước, Thông tư số 39/2021/TT-BTC ngày 01/06/2021 Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 133/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập Báo cáo tài chính nhà nước. Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh lập Báo cáo tài chính nhà nước (BCTCNN) tỉnh năm 2023 như sau:

**I. KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI TỈNH LẠNG SƠN**

Năm 2023 là năm giữa nhiệm kỳ, là năm bản lề có ý nghĩa quan trọng trong việc thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm (2021-2025). Triển khai nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2023 trong bối cảnh tình hình thế giới có nhiều biến động nhanh chóng, phức tạp, khó lường, khó khăn, thách thức nhiều hơn thời cơ, thuận lợi; những khó khăn, điểm nghẽn của nền kinh tế, thị trường bất động sản trầm lắng, sự thiếu đồng bộ giữa một số cơ chế, chính sách đã tác động đến việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; hậu quả của đại dịch Covid-19 ảnh hưởng đến các hoạt động sản xuất, kinh doanh, doanh nghiệp phải đối mặt với những khó khăn về vốn, thị trường; các ngành sản xuất, kinh doanh tuy đã phục hồi nhưng còn chậm.

Với sự lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát, kịp thời của Tỉnh ủy, sự giám sát, đồng hành, phối hợp chặt chẽ, hiệu quả của HĐND tỉnh và các cơ quan trong hệ thống chính trị, sự cố gắng, nỗ lực của Nhân dân và cộng đồng doanh nghiệp, UBND tỉnh đã tập trung chỉ đạo đồng bộ, toàn diện trên tất cả các lĩnh vực với nhiều giải pháp linh hoạt, sáng tạo, phù hợp với tình hình thực tế; xác định các nhóm nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách, có tính chất lan tỏa để chỉ đạo quyết liệt, bám sát các công việc quan trọng để tạo sự chuyển biến tích cực, góp phần thực hiện đạt và vượt nhiều mục tiêu, nhiệm vụ đề ra.

Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) đạt 7,17%<sup>1</sup> (mục tiêu từ 7 - 7,5%). Đầu tư đồng bộ hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất

<sup>1</sup> Nguồn số liệu theo Niên giám Thống kê năm 2023 lưu chiều tháng 8 năm 2024.

là hạ tầng giao thông, đô thị, khu, cụm công nghiệp. Về lĩnh vực văn hóa - xã hội, giáo dục đào tạo, y tế tiếp tục được quan tâm, phát triển toàn diện, đồng bộ ngang tầm với phát triển kinh tế, chú trọng bảo đảm an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững, cải thiện đời sống vật chất, tinh thần của người dân. Quốc phòng - an ninh được củng cố, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo. Tổng thu NSNN trên địa bàn đạt 7.807,9 tỷ đồng, bằng 96,5% dự toán Trung ương giao, bằng 95,2% dự toán tỉnh giao. Tổng chi ngân sách địa phương thực hiện là 16.967 tỷ đồng (không bao gồm chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới và chi nộp ngân sách cấp trên), đạt 124,8% dự toán Trung ương giao, đạt 123,8% dự toán tỉnh giao đầu năm<sup>2</sup>.

## **II. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG BÁO CÁO TÀI CHÍNH NHÀ NƯỚC**

### **1. Cơ sở tổng hợp số liệu**

BCTCNN tỉnh Lạng Sơn phản ánh toàn bộ thông tin tài chính nhà nước có nguồn gốc từ NSNN tỉnh Lạng Sơn hoặc do tỉnh quản lý. Số liệu trên BCTCNN tỉnh Lạng Sơn được Kho bạc Nhà nước (KBNN) Lạng Sơn kiểm tra, đối chiếu về tính hợp lý, hợp lệ và tổng hợp từ Báo cáo cung cấp thông tin tài chính (BCCCTTTC) của 1.118 đơn vị<sup>3</sup>, trong đó:

- Số liệu Báo cáo tổng hợp thông tin tài chính huyện, thành phố trực thuộc tỉnh Lạng Sơn do KBNN các huyện trên địa bàn tổng hợp từ BCCCTTTC của các đơn vị trên địa bàn (gồm đơn vị dự toán cấp 1 thuộc huyện, các xã, số liệu của các Chi cục Thuế khu vực, số liệu của KBNN trên chương trình Tabmis...);

- Số liệu thu, phải thu và phải trả NSNN do Cục Thuế cung cấp;

- Số liệu tài sản kết cấu hạ tầng do UBND cấp huyện tổng hợp thông tin về tài sản kết cấu hạ tầng được giao quản lý tại cấp huyện (bao gồm cả cấp xã);

- Số liệu vay nợ của tỉnh, vốn nhà nước tại doanh nghiệp của tỉnh quản lý do Sở Tài chính cung cấp;

- BCTCNN đã loại trừ các giao dịch nội bộ như: giao dịch nội bộ phát sinh giữa các cấp ngân sách (*bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu, số thu hồi và hoàn trả kinh phí giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp huyện, xã*). Giao dịch nội bộ giữa các đơn vị dự toán cấp 1 (*các khoản phải thu về cung cấp dịch vụ, nợ phải trả nhà cung cấp và khoản đầu tư tài chính, nhận đầu tư tài chính, doanh thu và chi phí*).

### **2. Khái quát một số nguyên tắc cơ bản lập BCTCNN tỉnh**

- Về phạm vi: BCTCNN tỉnh được tổng hợp từ toàn bộ các cơ quan, đơn vị khu vực nhà nước thuộc tỉnh, các quỹ tài chính nhà nước khác (như: quỹ dự trữ tài chính), số liệu thu chi sự nghiệp của các đơn vị sự nghiệp công lập không phản ánh qua thu, chi NSNN (các khoản phí được khấu trừ để lại cho đơn vị),

---

<sup>2</sup> Nguồn số liệu theo Báo cáo số 576/BC-UBND ngày 23/11/2024 của UBND tỉnh về việc thuyết minh quyết toán thu chi ngân sách năm 2023.

<sup>3</sup> Gồm 1.083 đơn vị dự toán cấp 1 (giảm 13 đơn vị so với năm 2022, do trong năm 2023 một số trường học sáp nhập, hợp nhất với nhau), Sở Tài chính, 12 đơn vị thuộc cơ quan Thuế, 11 đơn vị thuộc cơ quan KBNN, 11 UBND cấp huyện.

giá trị tài sản kết cấu hạ tầng và bất động sản khác thuộc khu vực nhà nước của tỉnh Lạng Sơn...

- Về cách thức, phương pháp kế toán để tổng hợp BCTCNN tỉnh: việc lập các báo cáo tài chính nhà nước tỉnh không chỉ dựa trên số liệu kế toán thực thu, chi bằng tiền (kế toán tiền mặt), mà còn dựa trên số liệu kế toán theo nguyên tắc được ghi nhận ngay từ khi khu vực nhà nước phát sinh các quyền và nghĩa vụ tài chính với các đối tượng liên quan (kế toán dồn tích).

- Về các nội dung phản ánh trên BCTCNN tỉnh: BCTCNN tỉnh cung cấp thông tin về tình hình tài sản và các nguồn hình thành tài sản tương ứng của khu vực nhà nước, cụ thể: các tài sản được hình thành từ việc thu và chi tài chính; chi tiết các nguồn hình thành cho các tài sản nhà nước; kết quả hoạt động tài chính nhà nước qua số liệu thu và chi tài chính; cung cấp về các luồng tiền thực vào ra trong kỳ báo cáo tương ứng với các lĩnh vực thu, chi tài chính. Báo cáo tài chính nhà nước nói chung và BCTCNN tỉnh nói riêng sẽ bổ sung, cung cấp một góc nhìn đầy đủ và toàn diện về tình hình, nguồn lực tài chính nhà nước cho các cơ quan quản lý, nhân dân và các tổ chức, đơn vị quan tâm.

### **3. Quá trình xây dựng Báo cáo tài chính nhà nước**

Việc xây dựng BCTCNN được thực hiện theo hiện quy trình lập, gửi BCTCNN tỉnh quy định tại Điều 11 Chương II Nghị định số 25/2017/NĐ-CP. BCTCNN tỉnh năm 2023 được KBNN tỉnh tổng hợp từ Báo cáo tổng hợp thông tin tài chính huyện, thành phố trực thuộc tỉnh, BCCCTTTC của các đơn vị dự toán cấp 1 khối tỉnh, Cục Thuế tỉnh, Sở Tài Chính đảm bảo khớp đúng về các số liệu.

Trong quá trình tổng hợp, KBNN tỉnh và KBNN các huyện thường xuyên đôn đốc các đơn vị nộp báo cáo cung cấp thông tin tài chính qua Cổng thông tin điện tử Tổng kế toán nhà nước. Tuy nhiên, vẫn còn một số đơn vị gửi báo cáo chưa đúng thời gian quy định<sup>4</sup>, còn sai sót phải chỉnh sửa lại. Cơ quan KBNN đã phối hợp chặt chẽ, hướng dẫn chi tiết để các đơn vị kịp thời điều chỉnh, sửa đổi đảm bảo tính chính xác của số liệu.

BCTCNN tỉnh năm 2023 đã được lấy ý kiến tham gia của Sở Tài chính và các cơ quan có liên quan. Thực hiện tiếp thu, hoàn thiện theo kết luận cuộc họp Chuyên đề tại Thông báo số 635/TB-UBND ngày 08/11/2024 của UBND tỉnh. Báo cáo được UBND tỉnh thông qua tại phiên họp thường kỳ tháng 11 năm 2024 (kỳ 2) bằng hình thức gửi Phiếu ghi ý kiến các thành viên UBND tỉnh (100% Phiếu đồng ý).

### **4. Thuyết minh chênh lệch số liệu trên BCTCNN tỉnh năm 2023**

- Tại Báo cáo thuyết minh báo cáo tài chính nhà nước tỉnh năm 2023 và Báo cáo thuyết minh báo cáo tài chính nhà nước tỉnh năm 2022

Tại chỉ tiêu bất động sản, nhà cửa, thiết bị thuộc tài sản cố định hữu hình;

---

<sup>4</sup> Thời hạn gửi BCCCTTTC của các cơ quan, đơn vị cung cấp thông tin để lập Báo cáo tổng hợp thông tin tài chính huyện là 30/4/2024, số đơn vị gửi đúng hạn là 703 đơn vị, số đơn vị gửi chậm là 343 đơn vị (là các đơn vị dự toán cấp 1 cấp huyện); thời hạn gửi BCCCTTTC tỉnh là 30/6/2024, số đơn vị gửi báo cáo hợp lệ là 894 đơn vị, số đơn vị gửi chậm hạn là 189 đơn vị (bao gồm đơn vị dự toán cấp 1 cấp tỉnh và huyện).

chỉ tiêu tài sản cố định vô hình số dư tại thời điểm 01/01/2023 phụ lục IV.2 của Báo cáo tài chính tình năm 2023 chênh lệch so với số dư tại thời điểm 31/12/2022 phụ lục IV.2 của Báo cáo tài chính tình năm 2022. Cụ thể chỉ tiêu bất động sản, nhà cửa, thiết bị thuộc tài sản cố định hữu hình năm 2023 giảm 6,9 tỷ đồng so với năm 2022; chỉ tiêu tài sản cố định vô hình năm 2023 tăng 4,5 tỷ đồng so với năm 2022.

- Tại báo cáo tình hình tài chính nhà nước và báo cáo thuyết minh báo cáo tài chính tình năm 2023

Trên báo cáo tài chính tình năm 2023 chỉ tiêu bất động sản, nhà cửa, thiết bị thuộc tài sản cố định hữu hình; chỉ tiêu tài sản cố định vô hình số liệu tại thời điểm 31/12/2022 của phụ lục IA chênh lệch số liệu tại thời điểm 01/01/2023 của phụ lục IV.2. Cụ thể chỉ tiêu bất động sản, nhà cửa thiết bị, tài sản thuộc tài sản cố định hữu hình tại phụ lục IA nhiều hơn 6,9 tỷ đồng so với phụ lục IV.2; chỉ tiêu tài sản vô hình tại phụ lục IA ít hơn 4,5 tỷ đồng.

Nguyên nhân là do trong năm 2023 một số trường học sáp nhập nên những đơn vị bị sáp nhập sẽ không phải gửi báo cáo cung cấp thông tin tài chính. Bộ công thức của phụ lục IV.2 của chỉ tiêu bất động sản, nhà cửa, thiết bị thuộc tài sản cố định hữu hình; chỉ tiêu tài sản cố định vô hình được tổng hợp từ báo cáo báo cáo C03/CCTT cung cấp thông tin chi tiết về tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình<sup>5</sup> của đơn vị gửi đến Kho bạc Nhà nước. Báo cáo tài chính tình năm 2023 tại thời điểm đầu kỳ sẽ không tổng hợp số liệu của những đơn vị này trong khi trước đó đã tổng hợp tại thời điểm cuối kỳ của Báo cáo tài chính tình năm 2022 nên sẽ dẫn đến sự chênh lệch. Đồng thời một số trường sau khi hợp nhất thực hiện đánh giá lại giá trị quyền sử dụng đất thuộc tài sản cố định vô hình nên giá trị tài sản cố định vô hình tăng so với năm 2022<sup>6</sup>.

### **III. NỘI DUNG CỦA BÁO CÁO TÀI CHÍNH NHÀ NƯỚC TỈNH LẠNG SƠN NĂM 2023**

#### **1. Về Báo cáo tình hình tài chính nhà nước năm 2023**

BCTCNN tình được lập theo kỳ kế toán năm được tính từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến 31 tháng 12 năm 2023 dương lịch. BCTCNN tình Lạng Sơn bao gồm 4 báo cáo chính: Báo cáo tình hình tài chính nhà nước; Báo cáo kết quả hoạt động tài chính nhà nước; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Thuyết minh báo cáo tài chính.

Báo cáo phản ánh tình hình tài sản và nguồn hình thành tài sản Nhà nước tình tại thời điểm cuối năm 2023. Tổng tài sản của Nhà nước tại thời điểm 31/12/2023 là 66.949 tỷ đồng, trong đó: tài sản hình thành từ nguồn vốn là

<sup>5</sup> Mẫu báo cáo C03/CCTT cung cấp thông tin chi tiết về tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình của đơn vị dự toán cấp 1, Ủy ban nhân dân xã, Ban quản lý sử dụng vốn đầu tư công (Báo cáo này được gửi Kho bạc Nhà nước trên địa bàn cùng thời điểm gửi Báo cáo tài chính (hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp) và Báo cáo bổ sung thông tin tài chính của đơn vị)

<sup>6</sup> Chênh lệch tăng là 4,5 tỷ đồng bằng chênh lệch giá trị mới của tài sản sau khi đánh giá lại giá trị quyền sử dụng đất của các đơn vị hợp nhất với nhau thành đơn vị mới là 7,7 tỷ đồng với giá trị tài sản của những đơn vị đã bị hợp nhất là 3,2 tỷ đồng.

65.651 tỷ đồng, tài sản hình thành từ nợ phải trả của Nhà nước là 1.298 tỷ đồng.

- Theo cơ cấu cấp tỉnh và cấp huyện: tài sản của Nhà nước ở cấp tỉnh là 52.314 tỷ đồng (chiếm 78,1% tổng tài sản); tài sản của Nhà nước ở cấp huyện là 14.635 tỷ đồng (chiếm 21,9% tổng tài sản).

- Theo cơ cấu, tài sản của Nhà nước gồm 04 nhóm:

+ Tài sản của Nhà nước trong khu vực hành chính là 8.231 tỷ đồng, chiếm 12,3% tổng tài sản;

+ Tài sản của Nhà nước trong khu vực sự nghiệp là 14.897 tỷ đồng, chiếm 22,3% tổng tài sản;

+ Tài sản của Nhà nước trong khu vực doanh nghiệp có vốn nhà nước (giá trị vốn góp của Nhà nước tại các doanh nghiệp, ngân hàng và các tổ chức tài chính do trung ương, địa phương quản lý) là 1.079 tỷ đồng, chiếm 1,6% tổng tài sản;

+ Tài sản của khối cơ quan quản lý<sup>7</sup> là 42.742 tỷ đồng, chiếm 63,8% tổng tài sản.

### ***1.1. Về tài sản của Nhà nước***

Tổng tài sản của Nhà nước tỉnh tại thời điểm 31/12/2023 là 66.949 tỷ đồng, tăng 3.914 tỷ đồng (tăng 6%), bao gồm: tài sản ngắn hạn là 8.631 tỷ đồng, tăng 2.154 tỷ đồng (tăng 33%), chiếm 12,9% tổng tài sản và tài sản dài hạn là 58.318 tỷ đồng, tăng 1.760 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước (tăng 3%), chiếm 87,1% tổng tài sản.

a) Tài sản ngắn hạn bao gồm:

- Tiền và các khoản tương đương tiền là 6.929,3 tỷ đồng, chiếm 80,3% tài sản ngắn hạn và bằng 10,4% tổng tài sản, tăng 1.916 tỷ đồng (tăng 38%) so với cùng kỳ năm trước, bao gồm: tiền mặt 62,5 tỷ đồng, tiền gửi ngân hàng 6.863 tỷ đồng, tiền đang chuyển 3,8 tỷ đồng.

Số dư tiền mặt chiếm tỷ trọng nhỏ trong chỉ tiêu tiền và các khoản tương đương tiền (chiếm 0,9%), chỉ tiêu này giảm 8,3 tỷ đồng (giảm 11,8%) so với cùng kỳ năm trước, chủ yếu là tiền giải phóng mặt bằng<sup>8</sup>, tiền học phí của khối giáo dục<sup>9</sup>, tiền viện phí<sup>10</sup>.

Tiền gửi ngân hàng chiếm tỷ trọng lớn nhất trong chỉ tiêu tiền và các khoản tương đương tiền bằng 99%, trong đó: tiền gửi Kho bạc Nhà nước là

---

<sup>7</sup> Theo Điều 2 Nghị định số 25/2017/NĐ-CP ngày 14/03/2017 của Chính Phủ về Báo cáo tài chính quy định đối tượng áp dụng của Nghị định, trong đó cơ quan quản lý gồm cơ quan quản lý thực hiện thu, chi ngân sách các cấp; cơ quan quản lý tài sản, nguồn vốn của Nhà nước các cấp. Cụ thể trong báo cáo tài chính ngân sách tỉnh năm 2023, bao gồm: 11 UBND huyện, thành phố; 12 đơn vị thuộc cơ quan thuế; Sở Tài chính; Sở Giao thông vận tải; Sở Xây dựng.

<sup>8</sup> Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Lộc Bình 18 tỷ đồng, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng 2,4 tỷ đồng, Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Cao Lộc 1,9 tỷ đồng...

<sup>9</sup> Sở Giáo dục và Đào tạo 5 tỷ đồng, Trường Chính trị Hoàng Văn Thụ 1 tỷ đồng...

<sup>10</sup> Sở Y tế 1,7 tỷ đồng, Trung tâm Y tế huyện Đình Lập 0,4 tỷ đồng...

6.619 tỷ đồng; tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn là 234 tỷ đồng; tiền gửi khác<sup>11</sup> là 10 tỷ đồng.

Tiền đang chuyển là 3,8 tỷ đồng, chiếm 0,1% trong chỉ tiêu tiền và các khoản tương đương tiền.

- Các khoản phải thu của Nhà nước là 1.593 tỷ đồng, chiếm 18,5% so với tài sản ngắn hạn và chiếm 2,4% tổng tài sản, tăng 252 tỷ đồng (tăng 19%) so với cùng kỳ năm trước, trong đó: các khoản phải thu của cơ quan thuế là 429,9 tỷ đồng<sup>12</sup>, tăng 68,9 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước; các khoản phải thu của đơn vị dự toán cấp 1 là 1.163,1 tỷ đồng<sup>13</sup>, tăng 183,1 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước.

- Hàng tồn kho là 102 tỷ đồng<sup>14</sup> (chiếm 0,2% tổng tài sản), giảm 13,2 tỷ đồng (giảm 11%) so với cùng kỳ năm trước.

- Tài sản ngắn hạn khác là 6,9 tỷ đồng, trong đó chủ yếu là của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh (6,8 tỷ đồng).

b) Tài sản dài hạn bao gồm:

- Vốn nhà nước tại doanh nghiệp (đầu tư tài chính dài hạn) là 1.079 tỷ đồng, chiếm 1,8% tài sản dài hạn và chiếm 1,6% tổng tài sản, tăng 63,9 tỷ đồng (tăng 6%) so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, số doanh nghiệp Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ gồm 02 doanh nghiệp<sup>15</sup>, nắm giữ dưới 50% vốn điều lệ là 03 doanh nghiệp<sup>16</sup>.

Nguyên nhân là do tăng giá trị các công trình thủy lợi và hệ thống cấp nước sạch tại một số huyện, thành phố được nâng cấp phân phối lợi nhuận sau thuế tăng quỹ đầu tư phát triển, cụ thể như sau: Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Lạng Sơn tăng 1%, Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Lạng Sơn tăng 5,7%, Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lạng Sơn tăng 35%, Công ty cổ phần Chợ Lạng Sơn tăng 18%, Công ty cổ phần Quản lý và xây dựng giao thông Lạng Sơn tăng 8,8%.

- Xây dựng cơ bản dở dang<sup>17</sup> là 10.437 tỷ đồng<sup>18</sup>, chiếm 17,9% tài sản dài

<sup>11</sup> Phản ánh các khoản tiền khác của xã gửi tại KBNN như: tiền gửi các quỹ tài chính ngoài ngân sách của xã, phường, tiền gửi các khoản thu hộ, chi hộ và các khoản tiền gửi vãng lai khác.

<sup>12</sup> Bao gồm nợ có khả năng thu 176 tỷ đồng, nợ đang xử lý 6,8 tỷ đồng; nợ khó thu: 247,1 tỷ đồng.

<sup>13</sup> Chủ yếu là phải thu từ tiền giải phóng mặt bằng như: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng 339 tỷ đồng, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Giao thông 163 tỷ đồng; phải thu từ viện phí như: Trung tâm Y tế huyện Bắc Sơn 92 tỷ đồng, Trung tâm Y tế huyện Văn Quan 51 tỷ đồng, Sở Y tế 42 tỷ đồng...

<sup>14</sup> Gồm chủ yếu là thuốc, vật tư, máu, hóa chất, sinh phẩm dịch truyền... khám chữa bệnh cho người bệnh của khối y tế như: Sở Y tế giá trị hàng tồn kho là 54 tỷ đồng, Trung tâm Y tế huyện Văn Quan là 8 tỷ đồng, Trung tâm Y tế huyện Bắc Sơn là 7,8 tỷ đồng, Trung tâm Y tế huyện Cao Lộc là 4,5 tỷ đồng...

<sup>15</sup> Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Lạng Sơn: vốn nhà nước tại doanh nghiệp là 24 tỷ đồng; Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Lạng Sơn: vốn nhà nước tại doanh nghiệp 1.012 tỷ đồng.

<sup>16</sup> Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lạng Sơn: vốn nhà nước tại doanh nghiệp là 27,9 tỷ đồng; Công ty cổ phần Chợ Lạng Sơn: vốn nhà nước tại doanh nghiệp 10,5 tỷ đồng; Công ty cổ phần Quản lý và xây dựng giao thông Lạng Sơn: vốn nhà nước tại doanh nghiệp là 5 tỷ đồng.

<sup>17</sup> Xây dựng cơ bản dở dang gồm: chi phí xây dựng cơ bản 10.431 tỷ đồng (trong năm 2023 có dự án khởi công mới chưa đưa vào sử dụng, tổng giá trị giải ngân là 209 tỷ đồng), chi mua sắm 3,9 tỷ đồng, chi sửa chữa nâng cấp tài sản 2,1 tỷ đồng.

hạn và chiếm 15,6% tổng tài sản, tăng 2.164 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước.

- Tài sản cố định hữu hình (giá trị còn lại sau khấu hao, hao mòn) là 42.655 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 73,1% tài sản dài hạn và 63,7% tổng tài sản, gồm tài sản kết cấu hạ tầng và bất động sản, nhà cửa, thiết bị, trong đó:

+ Tài sản kết cấu hạ tầng là 36.069 tỷ đồng, chiếm 53,9% tổng tài sản, giảm 1.028 tỷ đồng (giảm 3%) so với cùng kỳ năm trước, trong đó: tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ là 33.584 tỷ đồng; tài sản kết cấu hạ tầng các công trình nước sạch, hạ tầng khác là 2.485 tỷ đồng.

+ Bất động sản, nhà cửa, thiết bị là 6.586 tỷ đồng, chiếm 9,8% tổng tài sản, trong đó: nhà, vật kiến trúc là 5.163 tỷ đồng, phương tiện vận tải là 118 tỷ đồng và các tài sản cố định hữu hình khác là 1.305 tỷ đồng.

- Tài sản cố định vô hình<sup>19</sup> là 4.146 tỷ đồng chiếm 6,2% tổng tài sản, trong đó: quyền sử dụng đất là 3.609 tỷ đồng, bản quyền là 2,4 tỷ đồng, chương trình phần mềm là 494 tỷ đồng và tài sản cố định vô hình khác là 40,6 tỷ đồng.

## **1.2. Về công nợ của Nhà nước**

Tổng nợ phải trả của Nhà nước tại thời điểm 31/12/2023 là 1.298 tỷ đồng, tăng 162 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước (tăng 14%), trong đó:

- Nợ phải trả ngắn hạn là 1.203,9 tỷ đồng, tăng 146 tỷ đồng (tăng 14%) so với cùng kỳ năm trước, trong đó chiếm tỷ trọng lớn nhất là khoản phải trả ngắn hạn khác 1.203,8 tỷ đồng, bao gồm: phải trả ngắn hạn nhà cung cấp 699 tỷ đồng, nợ phải trả ngắn hạn khác 346 tỷ đồng, các khoản nhận trước của khách hàng 64 tỷ đồng, tạm thu 80 tỷ đồng, các quỹ đặc thù 14,8 tỷ đồng.

- Nợ phải trả dài hạn là 94,1 tỷ đồng, chiếm 7,3% tổng nợ phải trả, tăng 15,9 tỷ đồng (tăng 20%) so với cùng kỳ năm trước, trong đó: dư nợ của chính quyền địa phương<sup>20</sup> 84,8 tỷ đồng, các khoản phải trả dài hạn khác 9,3 tỷ đồng<sup>21</sup>. Nợ chính quyền địa phương tăng 6,9 tỷ đồng là số chênh lệch giữa vay của ngân sách địa phương trong năm 17,5 tỷ đồng<sup>22</sup> và số trả nợ gốc vay trong năm 10,6 tỷ đồng.

Vay của ngân sách địa phương chỉ đạt 60,4% so với dự toán giao. Nguyên

<sup>18</sup> Giá trị xây dựng dở dang lớn chủ yếu là chi xây dựng cơ bản dở dang các dự án của một số đơn vị như: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng 6.470 tỷ đồng, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông 1.252 tỷ đồng, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố 460 tỷ đồng, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Lộc Bình 423 tỷ đồng, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Cao Lộc 339 tỷ đồng, Sở Giáo dục và Đào tạo 319 tỷ đồng...

<sup>19</sup> Tài sản không có hình thái vật chất chủ yếu là quyền sử dụng đất, quyền tác quyền, quyền sở hữu công nghiệp, quyền với giống cây trồng, phần mềm ứng dụng, đề tài khoa học, phát minh, sáng chế...

<sup>20</sup> Là khoản vay lại các dự án ODA từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước.

<sup>21</sup> Chủ yếu là tiền vay của Nhà khách A1 là 4,8 tỷ và phí, lệ phí phải nộp nhà nước của Ban Quản lý Khu KTCĐ Đồng Đăng – Lạng Sơn là 4,2 tỷ đồng.

<sup>22</sup> Bao gồm: (1) Dự án Đầu tư xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản đường địa phương (LRAMP): 4,5 tỷ đồng; (2) Chương trình Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn: 0,2 tỷ đồng; (3) dự án Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai thành phố Lạng Sơn và 03 huyện Cao Lộc, Bình Gia, Lộc Bình: 0,1 tỷ đồng; (4) dự án Sửa chữa và nâng cao an toàn đập: 0,8 tỷ đồng; (5) dự án Hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện các tỉnh Đông Bắc: Hà Giang, Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn - Tiểu dự án tỉnh Lạng Sơn: 11,9 tỷ đồng.

nhân là do tiến độ thi công, giải ngân vốn của một số dự án chưa theo kế hoạch được duyệt; thực hiện quy trình nghiệm thu, thủ tục xin rút vốn chậm; công tác tổng hợp, thẩm định, trình điều chỉnh, gia hạn Hiệp định các dự án ODA của các Bộ, ngành Trung ương chưa thực sự kịp thời.

### ***1.3. Về nguồn vốn của Nhà nước***

Tổng nguồn vốn nhà nước tại thời điểm 31/12/2023 là 65.651 tỷ đồng, tăng 3.752 tỷ đồng (tăng 6%) so với cùng kỳ năm trước, trong đó:

- Nguồn vốn hình thành tài sản là 15.080 tỷ đồng, chiếm 23% tổng nguồn vốn của Nhà nước, tăng 565 tỷ đồng (tăng 4%) so với cùng kỳ. Chỉ tiêu này được tính bằng bằng chênh lệch giữa chỉ tiêu “Tổng tài sản” (66.949 tỷ đồng) với tổng các chỉ tiêu “Tổng nợ phải trả” (1.298 tỷ đồng), “Thặng dư/thâm hụt lũy kế” (50.125 tỷ đồng) và “Nguồn vốn khác” (446 tỷ đồng) trên Báo cáo tình hình tài chính nhà nước.

- Thặng dư lũy kế là 50.125 tỷ đồng, chiếm 76,4% tổng nguồn vốn của Nhà nước, tăng 3.188 tỷ đồng (tăng 7%) so với cùng kỳ năm trước.

Thặng dư tăng so với cùng kỳ năm trước cho thấy đây là một nguồn lực tài chính tiềm năng mà Nhà nước đang và sẽ được hưởng lợi do chênh lệch của hoạt động thu, chi tài chính từ các năm trước. Về mặt vật chất, nguồn lực tài chính này hiện hữu chủ yếu qua khoản giá trị tiền và tương đương tiền của Nhà nước và giá trị còn lại các tài sản cố định của tỉnh. Số liệu này sẽ là một căn cứ tài chính cho việc lập kế hoạch NSNN, kế hoạch tài chính nhà nước trong các năm tiếp theo.

- Nguồn vốn khác<sup>23</sup> là 446 tỷ đồng, chiếm 0,7% tổng nguồn vốn của Nhà nước, giảm 1,2 tỷ đồng so với cùng kỳ, bao gồm: các quỹ của các đơn vị dự toán cấp 1 là 351 tỷ đồng<sup>24</sup>; tài sản thuần khác của các đơn vị là 83 tỷ đồng (*tài sản thuần khác tập trung chủ yếu ở khối y tế là nguồn cải cách tiền lương lũy kế qua các năm*); các quỹ tài chính ngoài ngân sách của xã 12 tỷ đồng.

*(Chi tiết tại Phụ lục IA, IB kèm theo Báo cáo)*

## **2. Về Báo cáo kết quả hoạt động tài chính nhà nước năm 2023**

Báo cáo kết quả hoạt động tài chính phản ánh số liệu doanh thu và chi phí của khu vực Nhà nước.

### ***2.1. Tổng thu nhập của Nhà nước***

Tổng doanh thu tài chính năm 2023 của tỉnh là 14.833 tỷ đồng, tăng 983,5 tỷ đồng (tăng 7,1%) so với cùng kỳ năm trước, bao gồm:

- Doanh thu thuộc NSNN là 13.607 tỷ đồng, chiếm 91,7% tổng doanh thu, tăng 899,9 tỷ đồng (tăng 7%) so với cùng kỳ năm trước, cụ thể: doanh thu từ

<sup>23</sup> Giá trị các nguồn vốn khác như các quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi, quỹ bổ sung thu nhập, quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của các đơn vị thuộc khu vực Nhà nước; chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa được xử lý; các tài sản thuần khác...

<sup>24</sup> Một số đơn vị có dư quỹ lớn như: Sở Y tế 177 tỷ đồng, Trung tâm Y tế huyện Hữu Lũng 50 tỷ đồng, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng 22 tỷ đồng...



thuế là 1.061 tỷ đồng, chiếm 7,8% doanh thu thuộc NSNN; doanh thu phí, lệ phí là 840 tỷ đồng, chiếm 6,2% doanh số thuộc NSNN; doanh thu từ vốn góp và các khoản đầu tư của Nhà nước (*cổ tức, lợi nhuận được chia, lợi nhuận còn lại sau khi trích lập các quỹ do cơ quan Thuế cung cấp*) là 3 tỷ đồng; doanh thu từ viện trợ không hoàn lại là 21 tỷ đồng; doanh thu khác<sup>25</sup> là 11.682 tỷ đồng, chiếm 85,8% doanh thu thuộc NSNN.

Thu phát sinh trong năm của NSNN tăng so với cùng kỳ năm trước, đặc biệt ở một số sắc thuế như thuế thu nhập cá nhân (tăng 14 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước); thuế thu nhập doanh nghiệp (tăng 29 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước), thuế giá trị gia tăng (tăng 60 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước) cho thấy UBND tỉnh đã chỉ đạo thực hiện quyết liệt, đồng bộ, kịp thời các giải pháp phát triển kinh tế - xã hội, ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp và người, dân đã kích thích sản xuất, tiêu dùng, nhờ đó, các hoạt động kinh tế đã bắt đầu phục hồi và tăng trưởng, tác động tích cực đến số thu NSNN.

Đặc biệt doanh thu từ phí tăng 342 tỷ so với cùng kỳ năm trước, trong đó chủ yếu là thu phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu do tình hình dịch bệnh COVID-19 được kiểm soát, Trung Quốc tối ưu hóa các biện pháp quản lý đồng bộ, đảm bảo nhanh chóng khôi phục vận chuyển hàng hóa tại các cửa khẩu như trước khi dịch bệnh diễn ra.

- Doanh thu không thuộc NSNN là 1.226 tỷ đồng, chiếm 8,3% tổng doanh thu, tăng 83,6 tỷ đồng (tăng 7%) so với cùng kỳ năm trước, cụ thể: doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ (các khoản thu phát sinh trong năm của đơn vị sự nghiệp công lập từ nguồn xã hội hóa) là 916 tỷ đồng, chiếm 74,7% doanh thu không thuộc NSNN; doanh thu hoạt động khác<sup>26</sup> là 310 tỷ đồng, chiếm 25,3% doanh thu không thuộc NSNN.

Về tổng thể, số thu sự nghiệp của các đơn vị sự nghiệp công lập có xu hướng tăng, năm sau cao hơn năm trước. Đặc biệt doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh và dịch vụ đã bắt đầu ổn định và đều tăng dần qua các năm<sup>27</sup>. Kết quả trên do mở rộng hoạt động sự nghiệp và đa dạng hoá việc cung cấp dịch vụ cho xã hội. Điều này đã góp phần bảo đảm bù đắp một phần nhu cầu tiền lương tăng thêm theo quy định của Chính phủ; trong đó các đơn vị nhóm 1, nhóm 2 tự bảo đảm toàn bộ tiền lương, NSNN không phải bổ sung kinh phí do

---

<sup>25</sup> Doanh thu khác chiếm tỷ trọng lớn nhất trong doanh thu thuộc NSNN bao gồm: thu nhập từ bán, chuyển nhượng TSCĐ của Nhà nước 28 tỷ đồng; thu nhập từ cho thuê mặt đất, mặt nước 53 tỷ đồng; thu từ cấp quyền khai thác khoáng sản 31 tỷ đồng; bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên (đã loại trừ giao dịch nội bộ bổ sung lại cho ngân sách cấp dưới và thu hồi, nhận hoàn trả kinh phí bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp dưới), thu khác của ngân sách cấp xã, các khoản thu phạt, tiền chậm nộp do cơ quan thuế quản lý là 11.570 tỷ đồng.

<sup>26</sup> Là doanh thu phát sinh trong năm của các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, các nguồn phí được khấu trừ, để lại, các khoản thu nhập khác của các đơn vị dự toán cấp 1.

<sup>27</sup> Doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ năm 2022 là 840 tỷ đồng, tăng 24 tỷ đồng so với năm 2021; Doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ năm 2023 là 916 tỷ đồng, tăng 76 tỷ đồng so với năm 2022.

thay đổi chế độ tiền lương; đối với các đơn vị nhóm 3 kinh phí từ nguồn thu sự nghiệp được huy động để bù đắp một phần nguồn tiền lương tăng thêm theo quy định giảm chi từ nguồn NSNN.

Y tế và Giáo dục là hai lĩnh vực được xã hội hóa mạnh mẽ nhất. Tỷ trọng doanh thu hoạt động sản xuất kinh doanh dịch vụ/Doanh thu không thuộc ngân sách nhà nước của khối y tế chiếm tỷ trọng là 75%<sup>28</sup>; của các đơn vị khối giáo dục là 14,7%<sup>29</sup>.

## 2.2. Về tổng chi phí của Nhà nước

Tổng chi phí tài chính năm 2023 của tỉnh là 11.404 tỷ đồng, tăng 1.365 tỷ đồng (tăng 13,6%) so với cùng kỳ năm trước, trong đó:

- Chi phí từ nguồn NSNN là 10.440 tỷ đồng, chiếm 91,5% tổng chi phí, tăng 1.413,6 tỷ đồng (tăng 15,7%) so với cùng kỳ năm trước, cụ thể: là chi phí tiền lương, tiền công, chi phí khác cho con người (*bao gồm tiền lương, tiền công, thưởng trả cho lao động theo hợp đồng, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, ...*) là 4.972 tỷ đồng, chiếm 47,6% chi từ nguồn NSNN; chi vật tư, công cụ, dịch vụ là 527 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 5% chi từ nguồn NSNN; chi phí hao mòn 2.180 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 20,9% chi từ nguồn NSNN; chi khác<sup>30</sup> là 2.759 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 26,4% chi từ nguồn NSNN; chi tài chính (*chi trả lãi vay, phí, lệ phí liên quan đến các khoản nợ của chính quyền địa phương*) là 2 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 0,1%.

Chi phí từ nguồn NSNN chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu chi NSNN. Trong đó chủ yếu là cho các khoản chi tiền lương, tiền công và chi phí khác cho con người. Chi phí này tăng so với năm trước do tỉnh chủ động sắp xếp đảm bảo nguồn kinh phí để thực hiện điều chỉnh mức lương cơ sở (từ 1.490.000 đồng/tháng lên 1.800.000 đồng/tháng) theo quy định từ 01/7/2023 nhằm nâng cao đời sống của cán bộ, công chức viên chức và người lao động.

Chi phí khác của các đơn vị dự toán cấp 1 tăng 291 tỷ đồng<sup>31</sup> so với năm trước cho thấy ngân sách các cấp đã ưu tiên bố trí chi đảm bảo công tác phòng chống dịch bệnh, khắc phục hậu quả thiên tai, các nhiệm vụ chi an sinh xã hội, chi cho các đối tượng hưởng lương, lương hưu và trợ cấp xã hội từ NSNN.

- Chi phí từ nguồn ngoài NSNN (các đơn vị sự nghiệp công lập) là 964 tỷ đồng, chiếm 8,5% tổng chi phí, giảm 48,3 tỷ đồng (giảm 5%) so với cùng kỳ năm trước, trong đó: chi phí tiền lương, tiền công và chi phí khác cho con người

<sup>28</sup> Doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh dịch vụ của các đơn vị khối y tế là 690 tỷ đồng. Trong đó doanh thu từ của khối tỉnh là 417 tỷ đồng, của khối huyện là 273 tỷ đồng.

<sup>29</sup> Doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh dịch vụ của các đơn vị khối giáo dục là 134 tỷ đồng. Trong đó doanh thu của khối tỉnh là 47 tỷ đồng, của khối huyện là 87 tỷ đồng.

<sup>30</sup> Chi phí khác từ nguồn NSNN: chi khác từ bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu (đã loại trừ chi tiêu giao dịch nội bộ), hỗ trợ địa phương khác, hỗ trợ của NSNN cho các tổ chức chính trị, xã hội, nghề nghiệp, chi ngân sách xã 858 tỷ đồng; chi phí hoạt động khác của đơn vị dự toán cấp 1 là 1.901 tỷ đồng (Một số đơn vị dự toán cấp 1 phát sinh chi phí lớn: Sở Giáo dục và Đào tạo 295 tỷ đồng, Sở Giao thông vận tải 129 tỷ đồng...

<sup>31</sup> Chi khác của đơn vị dự toán cấp 1 năm 2023 là 1.901 tỷ đồng; năm 2022 là 1.610 tỷ đồng.

là 493 tỷ đồng, chiếm 51,1% chi phí từ nguồn ngoài NSNN; chi phí vật tư, công cụ và dịch vụ là 245 tỷ đồng, chiếm 25,4% chi phí từ nguồn ngoài NSNN; chi phí khấu hao là 13 tỷ đồng, chiếm 1,4% chi phí từ nguồn ngoài NSNN; chi phí khác<sup>32</sup> là 213 tỷ đồng, chiếm 22,1% chi phí từ nguồn ngoài NSNN.

Các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn đã chủ động quản lý chi tiêu tài chính, sử dụng hiệu quả nguồn lực tài chính từng bước đổi mới hoạt động cung ứng dịch vụ, thực hành tiết kiệm tăng thu nhập cho viên chức, người lao động. Chi ngoài ngân sách vẫn chiếm tỷ trọng tương đối nhỏ so với tổng chi phí do doanh thu không thuộc NSNN còn thấp nên sẽ hạn chế về khả năng chi trả các khoản chi phí phát sinh.

### ***2.3. Về thặng dư của tài chính nhà nước***

Đến 31/12/2023, tổng thu nhập của tỉnh là 14.833 tỷ đồng, tổng chi phí của tỉnh là 11.404 tỷ đồng; chênh lệch thặng dư là 3.429 tỷ đồng, giảm 10% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: thặng dư từ NSNN hơn 3.167 tỷ đồng và khu vực ngoài ngân sách là 262 tỷ đồng.

Doanh thu và chi phí thuộc NSNN chiếm tỷ trọng lớn và là nguồn hình thành chủ yếu cho các khoản thặng dư năm 2023. Theo số liệu báo cáo đến hết năm 2023, toàn tỉnh có 755/778<sup>33</sup> đơn vị sự nghiệp công do NSNN đảm bảo một phần chi hoạt động thường xuyên hoặc đảm bảo một phần chi phí hoạt động. Điều này phản ánh các khoản thu, chi NSNN nhà nước vẫn là hoạt động tài chính chủ yếu của nhà nước và mức độ xã hội hóa các khoản thu, chi (sự nghiệp, dịch vụ...) từ khu vực nhà nước còn thấp.

Thặng dư ngoài ngân sách năm 2023 là 262 tỷ đồng, tăng 132 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước. Điều này thể hiện chính sách của Nhà nước theo định hướng tăng tự chủ tài chính, đổi mới chất lượng và hiệu quả hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập.

*(Chi tiết tại Phụ lục II kèm theo Báo cáo)*

## **3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2023**

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là báo cáo tài chính tổng hợp, phản ánh tình hình lưu chuyển tiền tệ, bao gồm các luồng tiền thu vào, các luồng tiền chi ra từ các hoạt động chủ yếu, hoạt động đầu tư và hoạt động tài chính trong kỳ báo cáo; số dư tiền và tương đương tiền tại thời điểm kết thúc kỳ báo cáo trên phạm vi toàn tỉnh.

### ***3.1. Số dư đầu kỳ của tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm***

---

<sup>32</sup> Chi phí khác từ nguồn ngoài NSNN: bao gồm các khoản chi còn lại của đơn vị dự toán cấp 1 không bao gồm các khoản chi phí đã nêu trên và phát sinh lớn tại một số đơn vị như: Sở Y tế 46 tỷ đồng, Sở Tài nguyên và môi trường 43 tỷ đồng, Trung tâm Phát triển quỹ đất thành Phố 30 tỷ đồng...

<sup>33</sup> Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh đã được UBND tỉnh, UBND cấp huyện quyết định giao thực hiện cơ chế tự chủ tài chính là 778 đơn vị. Trong đó: đơn vị tự đảm bảo chi hoạt động thường xuyên và chi đầu tư 04 đơn vị; đơn vị tự đảm bảo chi hoạt động thường xuyên 19 đơn vị; đơn vị tự đảm bảo một phần chi hoạt động thường xuyên 46 đơn vị; đơn vị sự nghiệp do NSNN đảm bảo toàn bộ chi hoạt động thường xuyên 709 đơn vị.

**2023 là:** 5.013 tỷ đồng.

### **3.2. Lưu chuyển tiền tệ từ các hoạt động**

- Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động chủ yếu của Nhà nước (phản ánh chênh lệch giữa tổng số tiền thực thu vào và tổng số tiền thực chi ra từ hoạt động thường xuyên của Nhà nước, không phải là các hoạt động đầu tư hay hoạt động tài chính) đến thời điểm 31/12/2023 là 5.394,1 tỷ đồng, thể hiện dòng tiền từ hoạt động chủ yếu là hoạt động thu tiền vào.

- Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư (phản ánh chênh lệch giữa tổng số tiền thực thu vào và tổng số tiền thực chi ra từ hoạt động đầu tư) đến thời điểm 31/12/2023 là -3.485 tỷ đồng<sup>34</sup>, thể hiện dòng tiền từ hoạt động đầu tư chủ yếu là hoạt động chi tiền ra (thể hiện số âm trên BCTCNN).

- Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính (phản ánh chênh lệch giữa tổng số tiền thực thu vào và tổng số tiền thực chi ra từ hoạt động tài chính) đến thời điểm 31/12/2023 là 6,9 tỷ đồng<sup>35</sup>, thể hiện dòng tiền từ hoạt động tài chính chủ yếu là hoạt động thu vào.

### **3.3. Lưu chuyển tiền thuần trong năm 2023**

Phản ánh chênh lệch giữa số thu vào của hoạt động chủ yếu (5.394,1 tỷ đồng), chi ra từ hoạt động đầu tư (3.485 tỷ đồng) và thu vào từ hoạt động tài chính (6,9 tỷ đồng) là 1.916 tỷ đồng. Như vậy, dòng tiền thu vào trong năm 2023 là 1.916 tỷ đồng.

**3.4. Tiền và tương đương tiền cuối kỳ:** 6.929 tỷ đồng, bằng số dư đầu tiên và các khoản tương đương tiền (5.013 tỷ đồng) cộng với lưu chuyển tiền thuần trong năm 2023 (1.916 tỷ đồng) cộng với chênh lệch tỷ giá (- 0,02 tỷ đồng).

*(Chi tiết tại Phụ lục III kèm theo Báo cáo)*

## **4. Thuyết minh BCTCNN năm 2023**

Thuyết minh BCTCNN là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của BCTCNN dùng để mô tả hoặc phân tích chi tiết các thông tin số liệu đã được trình bày trong Báo cáo tình hình tài chính nhà nước, Báo cáo kết quả hoạt động tài chính nhà nước, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ. Thuyết minh BCTCNN tỉnh bao gồm phần thuyết minh (phần lời) và phần số liệu. Phần thuyết minh chỉ nêu một số các nội dung liên quan để làm rõ hơn về tình hình kinh tế xã hội, các nguyên tắc, phương pháp kế toán, tổng hợp số liệu... và giải thích rõ hơn một số số liệu chi tiết trong báo cáo mà các số liệu tổng hợp trên 03 BCTCNN nêu trên chưa chi tiết được.

<sup>34</sup> Đối với hoạt động đầu tư có số dư âm 3.485 tỷ đồng thể hiện trong năm chi mua sắm, đầu tư xây dựng TSCĐ bằng 3.506 tỷ đồng, chi cho vay góp vốn 228 tỷ đồng, trong khi số thu về hoạt động đầu tư chỉ có 249 tỷ đồng, bao gồm các khoản: tiền thu thanh lý nhượng bán TSCĐ 28 tỷ đồng; thu gốc khoản cho vay; thu từ bán cổ phần, vốn góp và các khoản đầu tư 215 tỷ đồng; tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia 5 tỷ đồng.

<sup>35</sup> Đối với hoạt động tài chính có số dư là 6,9 tỷ đồng là chênh lệch các khoản chi về hoạt động tài chính 22,4 tỷ đồng (chi hoàn trả các khoản vay, chi các hoạt động tài chính khác hơn 14,7 tỷ và chi từ hoạt động tài chính khác 7.7 tỷ đồng) và số tiền thu về hoạt động tài chính bằng 29,3 tỷ đồng chủ yếu là thu từ khoản đi vay lại của địa phương.

*(Chi tiết tại Phụ lục IV.1 và IV.2 kèm theo Báo cáo)*

## **5. Mối quan hệ giữa Báo cáo tài chính nhà nước và Báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước**

BCTCNN và Báo cáo quyết toán NSNN do phạm vi, phương pháp lập và các nguồn cung cấp số liệu khác nhau vì vậy có một số điểm khác biệt giữa các chỉ tiêu số liệu. Khác với báo cáo quyết toán NSNN tỉnh được lập trên cơ sở số thực thu, thực chi bằng tiền của quỹ NSNN, BCTCNN tỉnh được tổng hợp từ phạm vi rộng hơn, là toàn bộ khu vực Nhà nước thuộc tỉnh. Ngoài ra, BCTCNN còn bao gồm số liệu tài chính của các quỹ tài chính nhà nước khác (như: quỹ dự trữ tài chính...); số liệu thu chi sự nghiệp của các đơn vị sự nghiệp công lập không phản ánh qua thu, chi NSNN (các khoản phí được khấu trừ để lại cho đơn vị); giá trị tài sản kết cấu hạ tầng và bất động sản khác thuộc khu vực Nhà nước của tỉnh... BCTCNN tỉnh không chỉ dựa trên số liệu kế toán thực thu, chi bằng tiền (kế toán tiền mặt), mà còn dựa trên số liệu kế toán theo nguyên tắc doanh thu và chi phí được ghi nhận ngay từ khi khu vực Nhà nước phát sinh các quyền và nghĩa vụ tài chính với các đối tượng liên quan (kế toán dồn tích). Một số khác biệt trọng yếu giữa các chỉ tiêu như sau:

- Khác biệt giữa số liệu doanh thu thuộc NSNN năm 2023 và số quyết toán thu NSNN 2023

Tổng thu ngân sách địa phương trên Báo cáo quyết toán NSNN là 26.280 tỷ đồng. Thu thuộc NSNN trên BCTCNN là 13.607 tỷ đồng, thấp hơn Báo cáo quyết toán 12.673 tỷ đồng.

- Khác biệt giữa số chi phí từ nguồn NSNN 2023 và số quyết toán chi NSNN 2023

Chi từ nguồn NSNN trên báo cáo quyết toán NSNN là 26.092 tỷ đồng. Chi trên BCTCNN là 10.440 tỷ đồng, thấp hơn báo cáo quyết toán 15.652 tỷ đồng.

*(Chi tiết tại khoản 3, Mục III, Phụ lục VI.1 Thuyết minh báo cáo tài chính)*

## **IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

### **1. Kết quả đạt được**

BCTCNN tỉnh Lạng Sơn năm 2023 cung cấp thông tin về tình hình tài chính nhà nước, kết quả hoạt động tài chính nhà nước và lưu chuyển tiền tệ từ hoạt động tài chính nhà nước của địa phương. Báo cáo năm 2023 phân tích, đánh giá hiện trạng toàn bộ các nguồn lực, nghĩa vụ và tình hình sử dụng các nguồn lực của tỉnh (tài sản công, nợ công, thu nhập, chi phí...) từ đó đưa ra các giải pháp đảm bảo các tài sản và nguồn lực của tỉnh được đầu tư, phân bổ và sử dụng một cách hợp lý, cân đối và hiệu quả nhất, trong đó:

- Báo cáo tình hình tài chính nhà nước cung cấp được số liệu tổng tài sản Nhà nước của tỉnh tại thời điểm ngày 31/12/2023 là 66.949 tỷ đồng; nguồn hình thành tài sản gồm tổng nguồn vốn của Nhà nước là 65.651 tỷ đồng, tổng nợ của Nhà nước phải trả là 1.298 tỷ đồng. Số thặng dư lũy kế là 50.125 tỷ đồng cho

thấy đây là nguồn lực tài chính tiềm năng mà Nhà nước đang và sẽ được hưởng lợi do chênh lệch của hoạt động thu, chi tài chính từ các năm trước là căn cứ cho việc lập kế hoạch tài chính nhà nước trong các năm tiếp theo.

- Báo cáo kết quả hoạt động tài chính nhà nước cung cấp tổng thu nhập năm 2023 của tỉnh đến 31/12/2023 là 14.833 tỷ đồng, tổng chi phí là 11.404 tỷ đồng, giá trị thặng dư là 3.429 tỷ đồng, giảm 382 tỷ đồng so với năm 2022. Mặc dù tổng mức thu nhập tăng so với năm trước tuy nhiên tốc độ tăng vẫn nhỏ hơn với mức tăng của tổng chi phí.

- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là báo cáo tài chính tổng hợp, phản ánh tình hình lưu chuyển tiền tệ, bao gồm các luồng tiền thu vào, các luồng tiền chi ra từ các hoạt động chủ yếu, hoạt động đầu tư và hoạt động tài chính trong kỳ báo cáo. Lưu chuyển tiền thuần trong năm 2023 là 1.916 tỷ đồng.

- Căn cứ vào tỷ lệ số liệu doanh thu từ vốn góp và các khoản đầu tư của Nhà nước với số liệu về vốn của Nhà nước tại các doanh nghiệp tăng qua các năm<sup>36</sup> cho thấy chính sách của Nhà nước về cổ phần hóa tại các doanh nghiệp nhà nước đã mang lại hiệu quả tích cực.

## **2. Một số hạn chế, tồn tại**

- Doanh thu từ tiền sử dụng đất giảm 677 tỷ đồng so với năm trước<sup>37</sup>, đạt đạt 65,4% so với dự toán giao trong năm. Việc thực hiện đấu giá một số khu đất, tài sản công và tiến độ thu tiền sử dụng đất còn chậm.

- Kết quả hoạt động kinh doanh của các đơn vị sự nghiệp, các doanh nghiệp có vốn nhà nước<sup>38</sup> có tỷ lệ đóng góp vào tăng trưởng kinh tế địa phương chưa cao.

- BCTCNN tỉnh năm 2023 phản ánh các khoản thu, chi NSNN vẫn là hoạt động tài chính chủ yếu của Nhà nước, mặc dù nguồn thu sự nghiệp tăng dần trong mấy năm trở lại đây. Tuy nhiên nguồn thu sự nghiệp vẫn còn thấp đặc biệt là nguồn thu từ dịch vụ khám chữa bệnh và dịch vụ đào tạo.

- Trong cơ cấu tài sản trên BCTCNN thì các khoản phải thu tăng so với năm trước là 252 tỷ đồng<sup>39</sup>, trong đó chủ yếu là phải thu từ tiền tạm ứng giải phóng mặt bằng các công trình xây dựng cơ bản.

- Chi phí cho hoạt động thường xuyên vẫn chiếm tỷ trọng cao hơn so với chi đầu tư phát triển.

- Giá trị quyền sử dụng đất trên Báo cáo cung cấp thông tin tài chính của một số đơn vị dự toán cấp 1 được ghi nhận tại thời điểm báo cáo nhỏ hơn so với

---

<sup>36</sup> Tỷ lệ doanh thu từ vốn góp và các khoản đầu tư của Nhà nước với số liệu về vốn của Nhà nước tại các doanh nghiệp năm 2023 là 0,28% (3 tỷ đồng/1.079 tỷ đồng); năm 2022 là 0,26% (2,6 tỷ đồng/1.016 tỷ đồng); năm 2021 là 0,16% (1,6 tỷ đồng/979 tỷ đồng).

<sup>37</sup> Doanh thu tiền sử dụng đất năm 2022 là 995 tỷ đồng, năm 2023 là 318 tỷ đồng, giảm 677 tỷ đồng.

<sup>38</sup> Cổ tức nộp NSNN trong năm 2023 của Công ty Cổ phần Quản lý và Xây dựng giao thông Lạng Sơn: 0,1 tỷ đồng, Công ty Cổ phần Chợ Lạng Sơn: 1 tỷ đồng, Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lạng Sơn: 1,4 tỷ đồng.

<sup>39</sup> Các khoản phải thu năm 2022 là 1.341 tỷ đồng, năm 2023 là 1.593 tỷ đồng

giá trị quyền sử dụng đất theo bảng giá đất được ban hành tại Quyết định số 32/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh về ban hành giá đất trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn, giai đoạn 2020 - 2024.

- Đối với việc quản lý, sử dụng tài sản cố định đặc thù (bao gồm: cổ vật, hiện vật trưng bày trong bảo tàng, di tích lịch sử - văn hóa) của các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố được giao quản lý nhưng vẫn chưa được tổng hợp trong báo cáo tài chính năm 2023.

### **3. Nguyên nhân của những hạn chế, tồn tại**

#### *- Về thu ngân sách Nhà nước*

Quy mô kinh tế còn nhỏ, sức cạnh tranh yếu; tăng trưởng kinh tế chưa bền vững, phụ thuộc nhiều vào cơ chế, chính sách điều hành, điều tiết của Trung ương và các yếu tố khách quan khác. Các doanh nghiệp trên địa bàn chủ yếu là các doanh nghiệp vừa và nhỏ, chưa có những doanh nghiệp lớn; việc thiếu mặt bằng sản xuất, chất lượng nguồn nhân lực thấp, vị trí ít thuận lợi cho thu hút đầu tư phát triển sản xuất công nghiệp nên chưa tạo ra được sự tăng trưởng cao, nguồn thu lớn và ổn định.

Thị trường bất động sản trầm lắng dẫn đến việc đấu giá đất, bán tài sản công gặp nhiều khó khăn.

#### *- Về chi ngân sách Nhà nước*

Công tác tổng hợp, thẩm định, trình giao kế hoạch, phối hợp và hướng dẫn triển khai thực hiện của các Bộ, ngành Trung ương chưa thực sự kịp thời, nhất là các thủ tục như: thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất lúa, điều chỉnh, gia hạn Hiệp định các dự án ODA. Một số dự án được giao kế hoạch vốn lớn nhưng do vướng thủ tục chuẩn bị đầu tư chậm, ảnh hưởng giải phóng mặt bằng nên giải ngân thấp ảnh hưởng đến tỷ lệ giải ngân chung và tiến độ thực hiện<sup>40</sup>

Công tác giải phóng mặt bằng chậm do đó ảnh hưởng đến tiến độ của các dự án<sup>41</sup>.

Công tác thanh toán khối lượng hoàn thành, quyết toán dự án, thu hồi số vốn tạm ứng còn chậm.

Tiến độ thực hiện thu tiền sử dụng đất chưa đạt kế hoạch đề ra nên chưa có nguồn để giải ngân cho các dự án (ngân sách địa phương).

<sup>40</sup> Dự án Tuyến cao tốc cửa khẩu Hữu Nghị - Chi Lăng theo hình thức BOT do vướng mắc trong thủ tục đầu tư, giao kế hoạch vốn trung hạn, tiến độ lập và hoàn thiện hồ sơ của của Nhà đầu tư đề xuất dự án chậm; dự án Cải tạo, nâng cấp QL4B (đoạn Km3+700 đến Km18) là dự án đã bố trí vốn năm 2023, tuy nhiên do vướng mắc nhiều về giải phóng mặt bằng, dự kiến khó giải ngân hết kế hoạch vốn.

<sup>41</sup> Xây dựng mở mới tuyến liên xã từ trung tâm thị trấn Chi Lăng vào xã Y Tịch, huyện Chi Lăng; Khu tái định cư Phú Lộc IV - Diêm tái định cư tiếp giáp nút giao thông số 4 (giải phóng mặt bằng nút giao thông số 3); Đường dẫn vào khu tái định cư đường Lý Thái Tổ (kéo dài); Khu tái định cư, dân cư xã Hồ Sơn và xã Hòa Thắng, huyện Hữu Lũng; Dự án Cải tạo nâng cấp QL4B đoạn Km3+700 đến Km18; Dự án Cải tạo, nâng cấp đường Cao Lộc - Ba Sơn (ĐH.28), huyện Cao Lộc; Nút giao cao tốc vào khu công nghiệp Hữu Lũng; Đường tránh ngập vào trung tâm các xã nghèo miền núi 30A: Đông Thắng, Cường Lợi, Lâm Ca; bảo đảm an sinh xã hội và phục vụ an ninh - quốc phòng huyện Đình Lập).

*- Về công tác lập báo cáo tài chính nhà nước*

Một số cơ quan, tổ chức, đơn vị chưa chủ động nghiên cứu, thực hiện điều chỉnh giá trị quyền sử dụng đất để hạch toán khi UBND cấp tỉnh ban hành và công bố Bảng giá đất theo Quyết định số 32/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh về ban hành giá đất trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn, giai đoạn 2020-2024<sup>42</sup> được quy định tại Điều 103 Chương XI của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công. Một số đơn vị chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất<sup>43</sup>.

Năm 2023 chưa có danh mục tài sản cố định đặc thù theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 4 Thông tư số 23/2023/TT-BTC ngày 25/4/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp nên các đơn vị được giao quản lý, sử dụng những tài sản này chưa có căn cứ tổng hợp vào BCTCNN.

## **V. MỘT SỐ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU THỰC HIỆN CÔNG TÁC TÀI CHÍNH NHÀ NƯỚC NHỮNG NĂM TIẾP THEO**

### **1. Giải pháp về công tác quản lý tài chính trên địa bàn tỉnh**

*- Tăng cường công tác quản lý các nguồn thu NSNN trên địa bàn*

Tiếp tục duy trì và chủ động thực hiện các giải pháp quản lý hiệu quả đối với các khoản thu từ thuế; thực hiện thu đúng, thu đủ, thu kịp thời các khoản thuế, phí, lệ phí và thu khác vào NSNN. Đa dạng hóa các nguồn thu ngoài thuế, đặc biệt là các khoản thu phí của đơn vị sự nghiệp theo hướng đổi mới và thúc đẩy mạnh mẽ công tác tự chủ tài chính khu vực sự nghiệp công lập, thu từ các hoạt động kinh doanh. Đôn đốc các doanh nghiệp nhà nước nộp đầy đủ vào ngân sách nhà nước phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ.

Duy trì ổn định và nâng cao năng lực hoạt động của các cơ sở sản xuất công nghiệp hiện có. Đẩy mạnh phát triển công nghiệp, tập trung xây dựng kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, thân thiện với môi trường. Hỗ trợ nhà đầu tư đẩy

---

<sup>42</sup> Huyện Lộc Bình: Trường mầm non Nhượng Bạ, mầm non Lợi Bác; Trường mầm non xã Khuất Xá ghi nhận giá đất theo Quyết định số 50/2016/QĐ-UBND ngày 22/12/2016 của UBND tỉnh; UBND xã Lợi Bác, Trường mầm non thị trấn Na Dương ghi nhận giá đất năm 2013; UBND huyện Lộc Bình ghi nhận theo giá đất cấp năm 2004; UBND xã Hữu Lân ghi nhận giá trị từ năm 1990; UBND xã Đồng Bục ghi nhận giá đất từ năm 2002; Phòng Nội vụ huyện Lộc Bình ghi nhận giá trị từ năm 2003. Huyện Văn Quan: Trường mầm non Tràng Các, Trường mầm non 1 An Sơn, Trường mầm non 1 Trị Lễ, Trường mầm non Liên Hội, Trường mầm non Bình Phúc nhận giá trị năm 2015. Huyện Chi Lăng: Trường mầm non xã Hòa Bình không xác định được thời gian ghi nhận giá trị. Huyện Hữu Lũng: Trường Trung học cơ sở xã Nhật Tiến ghi nhận giá đất tại thời điểm 2009, Trường Trung học cơ sở 1 xã Hòa Thắng ghi nhận giá trị đất tại thời điểm 2007, Trường Trung học cơ sở xã Hữu Liên ghi nhận giá trị tài sản tại thời điểm 2014, Trường Trung học cơ sở xã Yên Thịnh ghi nhận giá trị tại thời điểm năm 2015...

<sup>43</sup> Huyện Lộc Bình: UBND xã Tĩnh Bắc tính theo giá đất đồi; UBND xã Mẫu Sơn tính theo giá đất rừng. Huyện Chi Lăng: Trường mầm non xã Chiên Thắng, Trung tâm Giáo dục thường xuyên huyện Chi Lăng, UBND xã Vân Thủy, Trạm Y tế xã Mai Sao, Trạm Y tế xã Bằng Hữu, Trạm Y tế xã Liên Sơn. Thành phố Lạng Sơn: Trung tâm dịch vụ nông nghiệp. Huyện Hữu Lũng: Trường mầm non xã Đồng Tiến...



nhanh tiến độ triển khai các dự án phát triển khu, cụm công nghiệp đã được phê duyệt; tập trung thực hiện trình tự, thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư và thành lập các cụm công nghiệp đã có nhà đầu tư quan tâm. Tạo môi trường thuận lợi, thu hút đầu tư các dự án điện gió, điện sinh khối, điện rác tại những vị trí phù hợp quy hoạch.

Đẩy nhanh tiến độ bán đấu giá khu đất, tài sản công và thu nợ tiền sử dụng đất trên địa bàn đặc biệt là các dự án khu đô thị, khu dân cư... được đầu tư bằng vốn ngoài ngân sách do nhà đầu tư thực hiện trên địa bàn.

Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra trong lĩnh vực thuế. Tập trung xử lý, thu hồi nợ đọng thuế, giao chỉ tiêu nợ cụ thể và đôn đốc, kiểm tra tình hình thực hiện, hạn chế thấp nhất số nợ mới phát sinh; kiểm soát chặt chẽ hoàn thuế, đảm bảo đúng đối tượng, đúng pháp luật.

*- Điều hành chi NSNN theo dự toán, đảm bảo chặt chẽ, an toàn hiệu quả*

Tăng cường kỷ luật, kỷ cương tài chính, điều hành chi ngân sách chặt chẽ, theo đúng tiêu chuẩn, chế độ, định mức quy định, trong phạm vi dự toán được giao; đảm bảo thực hiện các chính sách an sinh xã hội và các khoản chi cho con người; triệt để tiết kiệm chi thường xuyên giảm tối đa kinh phí hội nghị, hội thảo, khánh tiết, công tác trong nước và nước ngoài. Tập trung triển khai hiệu quả các Chương trình mục tiêu quốc gia.

Tăng cường quản lý sử dụng vốn đầu tư công đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật. Bên cạnh đó, tiếp tục thực hiện các giải pháp đẩy nhanh việc giải ngân vốn đầu tư công, đặc biệt là các dự án trọng điểm<sup>44</sup>; giảm tỷ lệ xây dựng cơ bản dở dang để nhanh chóng đưa công trình xây dựng cơ bản đi vào sử dụng, góp phần thúc đẩy các hoạt động kinh tế xã hội.

Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, công khai, minh bạch việc sử dụng NSNN. Xử lý nghiêm các sai phạm về quản lý ngân sách và tài sản của Nhà nước.

## **2. Giải pháp về công tác lập Báo cáo tài chính nhà nước**

- Các đơn vị lập BCCCTTTC có trách nhiệm phản ánh trung thực, khách quan, đầy đủ thông tin tài chính của đơn vị mình và các đơn vị kế toán trực thuộc (nếu có); đảm bảo tính cân đối, hợp lệ, hợp lý của các chỉ tiêu trên báo cáo; phân tích, thuyết minh về các biến động lớn trong năm báo cáo so với năm liền kề trước đó (đặc biệt là các biến động về tài sản).

---

<sup>44</sup> Như: Dự án tuyến cao tốc Hữu Nghị - Chi Lăng theo hình thức BOT; hoàn thành dứt điểm dự án Cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 4B (đoạn Km3+700-Km18); đôn đốc, đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng, thi công các dự án đầu tư xây dựng, nhất là dự án trọng điểm của tỉnh, dự án có tính chất kết nối liên vùng như: dự án Đường giao thông kết nối Quốc lộ 4B đến Quốc lộ 18; dự án Nút giao cao tốc vào Khu công nghiệp Hữu Lũng; dự án Khu tái định cư dân cư xã Hồ Sơn, xã Hòa Thắng, huyện Hữu Lũng,... khẩn trương hoàn thiện thủ tục đầu tư và khởi công trong năm 2024 các dự án quan trọng như: Dự án Xây dựng tuyến đường giao thông kết nối khu công nghiệp Hữu Lũng, ĐT.245 với QL.31 - Cảng Mỹ An (tỉnh Bắc Giang); dự án Khu liên hợp thể thao tỉnh Lạng Sơn (hạng mục: Sân vận động trung tâm, Nhà thi đấu đa năng); dự án Đường Lý Thái Tổ kéo dài và Khu dân cư, tái định cư thành phố Lạng Sơn; dự án "Phát triển cơ sở hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu để hỗ trợ sản xuất cho đồng bào dân tộc các tỉnh miền núi, trung du phía Bắc, tỉnh Lạng Sơn" sử dụng vốn vay Nhật Bản...; phối hợp chặt chẽ với Bộ Giao thông vận tải thực hiện dự án Nâng cấp Km18-Km80, Quốc lộ 4B.

- Các sở, ban, ngành của tỉnh, UBND huyện, thành phố chủ động thực hiện rà soát, kiểm kê tài sản cố định đặc thù theo danh mục tài sản cố định đặc thù đã ban hành<sup>45</sup> (tài sản cố định đặc thù là cổ vật, hiện vật trưng bày trong bảo tàng, di tích lịch sử được xếp hạng...) đảm bảo thực hiện theo dõi, tổng hợp đầy đủ, chính xác trên BCTCNN.

- Các cơ quan, tổ chức, đơn vị nghiêm túc thực hiện thủ tục giao đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định, đồng thời hạch toán điều chỉnh chính xác giá trị quyền sử dụng đất theo Bảng giá đất được công bố trong năm đầu kỳ khi UBND cấp tỉnh ban hành và công bố Bảng giá đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

- Siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính, nâng cao trách nhiệm, năng lực quản lý, điều hành về công tác quản lý tài chính của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị và chất lượng đội ngũ cán bộ làm công tác tài chính, kế toán tại các đơn vị sử dụng ngân sách, nhằm đảm bảo thực hiện đúng các chuẩn mực kế toán hiện hành và yêu cầu quản lý theo quy định.

- Tổ chức tập huấn, hướng dẫn chuẩn mực kế toán công, cập nhật, hướng dẫn và hệ thống hóa những kiến thức cơ bản, chuyên sâu về nghiệp vụ quản lý tài chính, kế toán theo Thông tư số 24/2024/TT-BTC ngày 17/4/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp<sup>46</sup>.

*(Báo cáo này thay thế Báo cáo số 580/BC-UBND ngày 24/11/2024 của UBND tỉnh)*

Ủy ban nhân dân tỉnh trân trọng báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Ban kinh tế - Ngân sách (HĐND tỉnh);
- Các Đại biểu HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở Tài chính, Cục Thuế tỉnh, Sở KHĐT, KBNN tỉnh;
- CPVP UBND tỉnh, các phòng CM, Trung Tâm Thông tin;
- Lưu: VT, KT(MTH).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Đoàn Thanh Sơn**

---

<sup>45</sup> Quyết định số 27/2024/QĐ-UBND ngày 21/8/2024 của UBND tỉnh ban hành danh mục tài sản cố định đặc thù; Danh mục thời gian tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Lạng Sơn.

<sup>46</sup> Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2025 và áp dụng từ năm tài chính 2025.